

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1425/2025/DS-PT

Ngày 13-11-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 962/2025/TLPT-DS ngày 08/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6264/2025/QĐ-PT ngày 21/10/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 19754/2025/QĐ-PT ngày 31/10/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: số D đường B, tổ D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1986; địa chỉ: số G đường L, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Thu T1, sinh năm 1998 và bà Phan Thị Mỹ L, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: số D, đường số I, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2025).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1988; địa chỉ: số D đường B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Ông Hà Minh P; địa chỉ: số nhà C, đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện ngày 21/3/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

Ông T và ông Trần Văn M có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 07/8/2024, ông M hỏi vay ông T số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) trong khoảng 02 đến 04 ngày để giải quyết công việc, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Việc vay tiền có được lập thành văn bản “Giấy vay tiền” ký ngày 07/8/2024. Sau khi ký giấy vay tiền, ông T đã chuyển khoản cho ông M 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), cụ thể ngày 07/8/2024, chuyển khoản 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), ngày 08/8/2024, chuyển khoản 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng đến hạn trả nợ ông M không trả tiền cho ông T. Vợ chồng ông T nhắc nhở nhiều lần thì đến ngày 23/9/2024, ông M chuyển trả được tiền gốc 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), ngày 10/11/2024, ông M tiếp tục trả tiền gốc 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời thế chấp xe ô tô cho ông T để làm tin, sau đó ông M đã lấy lại xe ô tô để đi lại và hứa sẽ trả số tiền còn nợ 350.000.000 đồng vào một ngày gần nhất nhưng đến nay vẫn chưa trả. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông M thanh toán số tiền gốc còn lại 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trên số tiền gốc (tính từ khi ông M ký giấy vay tiền cho đến ngày xét xử sơ thẩm) do ông M chậm thanh toán theo quy định pháp luật, cụ thể:

- Tiền nợ gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng);

- Tiền lãi trong hạn trên số tiền gốc 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), với mức lãi suất 10%/năm, thời gian 06 ngày (từ ngày 07/8/2024 đến ngày 13/8/2024) là 3.333.333 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

- Tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian là 40 ngày (từ ngày 14/8/2024 đến ngày 23/9/2024) là 33.333.333 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

- Tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc 800.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian là 47 ngày (từ ngày 24/9/2024 đến ngày 10/11/2024) là 15.666.667 đồng (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- Tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 350.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian là 217 ngày (từ ngày 11/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2025) là 31.645.833 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng);

Tổng cộng số tiền ông T yêu cầu ông M phải trả tính đến ngày 09/7/2025 là 433.979.167 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

Đối với trình bày của ông M, chỉ đứng ra vay tiền giúp cho ông P và yêu cầu ông P phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T thì ông T không đồng ý, vì ông T chỉ ký giấy vay tiền với ông M, chuyển khoản vào tài khoản của ông M, việc ông M vay tiền của ông T để cho ông P mượn là quan hệ vay mượn giữa ông M với ông P, không liên quan đến ông T và ông T cũng chỉ cho cá nhân ông M vay nên chỉ yêu cầu ông M phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn M là bà Phạm Thị Thu T1 trình bày:

Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), có ký giấy vay tiền, thỏa thuận nội dung trong giấy vay tiền và đã trả được số tiền gốc như nguyên đơn trình bày, nhưng số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) không phải vay cho bị đơn mà bị đơn chỉ đứng ra vay giúp cho ông Hà Minh P. Do ông P và ông T mới quen biết nhau nên ông T không tin tưởng ông P, vì thế, bị đơn phải là người ký giấy vay tiền. Sau khi nhận tiền từ ông T, ông M đã chuyển khoản ngay cho ông P bản thân ông M không sử dụng khoản tiền trên.

Sau khi ông T khởi kiện tại Tòa án, ông M cũng đã trao đổi với ông P và ông P cũng thừa nhận thông qua tin nhắn zalo rằng ông M chỉ vay giúp ông P và ông P sẽ trả nhưng do chưa lo được tiền nên xin hẹn lại thời gian trả. Vì vậy, ông M không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của ông T.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn ông T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T.

Tại Bản tự khai ngày 27/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh P trình bày:

Ngày 07/8/2024, ông P hỏi vay ông M số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), mục đích là đáo hạn ngân hàng. Ông M đồng ý cho ông P vay số tiền trên và chuyển khoản vào tài khoản của ông P số 16789 mở tại Ngân hàng S - Phòng G - thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc vay mượn giữa ông và ông M không làm giấy tờ và ông M nói vay giúp một thời gian nên không tính lãi.

Sau khi nhận tiền của ông M để xử lý công việc, ông P không vay được tiền từ ngân hàng nên đến nay ông P mới thanh toán cho ông M được số tiền

1.650.000.000 đồng. Khi trả số tiền 1.650.000.000 đồng cho ông M, ông P đều chuyển khoản vào tài khoản số 101875832201 của ông M mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C. Đến thời điểm hiện tại ông P còn nợ lại ông M số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Việc vay mượn số tiền 2.000.000.000 đồng là giữa ông P với ông M không liên quan đến ông T. Ông M là người trực tiếp chuyển khoản cho ông P mượn và mỗi lần trả tiền ông P đều chuyển khoản trả cho ông M. Vì vậy, ông P xác định ông P không liên quan đến khoản vay mà ông T đang kiện ông M. Do đó, ông P đề nghị Tòa án xác định ông P không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Đối với khoản nợ giữa ông P với ông M, ông P sẽ tự thỏa thuận với ông M. Trường hợp không thỏa thuận được sẽ tranh chấp bằng một vụ án khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông P không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 357, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Buộc ông Trần Văn M thanh toán cho ông Dương Văn T số tiền vay 433.979.167 đồng (bốn trăm ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 83.979.167 đồng (tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

Lãi suất được tiếp tục tính kể từ ngày 10/7/2025 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu số tiền 21.359.167 đồng (hai mươi một triệu ba trăm năm mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 21/7/2025 người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn kháng cáo không có chứng cứ gì khác. Tuy nhiên, sau khi có bản án sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc 60.000.000 đồng, cần điều chỉnh lại tiền nợ gốc và tiền lãi, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh P có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2025 người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Mỹ L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, việc kháng cáo vẫn trong thời hạn quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất trình bày, hai bên có lập giấy vay tiền ngày 07/8/2024, trong các ngày 07/8/2024 và ngày 08/8/2024, nguyên đơn chuyển khoản cho bị đơn số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thời hạn vay từ ngày 07/8/2024 đến ngày 13/8/2024, tiền lãi hai bên tự thỏa thuận không ghi mức lãi suất cụ thể, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 1.650.000.000 đồng (ngày 23/9/2024 trả 1.200.000.000 đồng, ngày 10/11/2024 trả 450.000.000 đồng), số tiền còn nợ lại 350.000.000 đồng, bị đơn chưa trả tiền lãi. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là vay giùm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P, khi bị đơn nhận được tiền từ nguyên đơn thì bị đơn đã chuyển ngay cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P nên bị đơn không có trách nhiệm phải trả số tiền gốc còn lại cho nguyên đơn mà ông P phải có trách nhiệm này, nguyên đơn không đồng ý. Trình bày của bị đơn ông M không được nguyên đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P thừa nhận, ngoài lời trình bày thì bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình về thỏa thuận giữa ông T, ông M và ông P nên trình bày của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại 350.000.000 đồng (ba trăm

năm mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 83.979.167 đồng (tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể: Tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc 2.000.000.000 đồng với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian 40 ngày (từ ngày 14/8/2024 đến ngày 23/9/2024) là 33.333.333 đồng; tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc 800.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian 47 ngày (từ ngày 24/9/2024 đến ngày 10/11/2024) là 15.666.667 đồng; tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 350.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, thời gian 217 ngày (từ ngày 11/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/7/2025) là 31.645.833 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày, ngày 08/11/2025, bị đơn đã thanh toán được tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Do đó, tiền nợ gốc tính từ ngày 09/11/2025 còn lại 290.000.000 đồng. Như vậy, cần xem xét tính lại tiền lãi, cụ thể: Tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 350.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 11/11/2024 đến ngày 08/11/2025 là 11 tháng 27 ngày = 52.062.500 đồng; tiền lãi quá hạn của số tiền gốc 290.000.000 đồng, với mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn, tính từ ngày 09/11/2025 đến ngày 13/11/2025 là 05 ngày = 604.167 đồng.

Tổng cộng tiền lãi 33.333.333 đồng + 15.666.667 đồng + 52.062.500 đồng + 604.167 đồng = 101.666.667 đồng.

[2.2] Đối với tiền tạm ứng án phí đã nộp của nguyên đơn, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần tuyên trả lại số tiền này cho nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét trả lại cho nguyên đơn là có thiếu sót, cần tuyên trả lại cho nguyên đơn số tiền này. Đồng thời, phần nhận định của bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phần quyết định chưa thể hiện nên cần điều chỉnh lại.

[2.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K (vợ ông T) thống nhất việc ông M thanh toán tiền cho ông T nên Tòa án không xem xét.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, bị đơn đã thanh toán được một phần nợ gốc, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền nợ gốc, phần án phí và cách tuyên.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị Mỹ L.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn T đối với bị đơn ông Trần Văn M về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Văn M thanh toán cho ông Dương Văn T số tiền vay 290.000.000 đồng và tiền lãi 101.666.667 đồng, tổng cộng 391.666.667 đồng (ba trăm chín mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Trả cho ông Dương Văn T 10.799.000 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008085 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (sau sáp nhập là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Trần Văn M phải chịu số tiền 19.583.333 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Trần Văn M 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006930 ngày 01/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (bà Phan Thị Mỹ L nộp thay).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực 16 - TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự (11). (80).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Nguyễn Thị Duyên Hằng